ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
Số: 1994 /QĐ - UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 102 suất đất tại khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 214/2025/NĐ -CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã Nhật Tân để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 436 /TTr-KT ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

(*Có phương án đấu giá kèm theo*).

Điều 2. Phòng Kinh tế (*đơn vị được giao tham mưu thành lập tổ giám sát cuộc đấu giá quyền sử dụng đất)*; các Phòng, đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

- Văn phòng HĐND-UBND xã chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của UBND xã Hoàng Hoa Thám.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám.

Điều 4. Chánh văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực ĐU, TTHĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HOÀNG HOA THÁM T.HƯNG YÊN

Lã Anh Tuấn

PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 102 suất đất tại khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 1994 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

1. Vị trí, diện tích, loại đất các thửa đất đấu giá:

- Vị trí khu đất đấu giá: Tại xã Hoàng Hoa Thám (Nhật Tân cũ), tỉnh Hưng Yên. Được xác định theo Tổng mặt bằng quy định tổng thể Dự án khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;
- Tổng số thửa đất: 102 suất đất.
- Tổng diện tích đất ở: 10.452,09 m^2.
- Loại đất: Đất ở tại nông thôn.
- Mục đích sử dụng đất: Để xây nhà ở theo quy hoạch được duyệt.

(Có mặt bằng quy hoạch tổng thể kèm theo).

2. Hình thức giao đất, thời hạn giao đất

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Dự kiến thời gian tổ chức đấu giá 102 suất đất:

Dự kiến thời gian tổ chức đấu giá	Tổng số suất	Diện tích (m^2)
Qúy III/2026	LKA (52 suất)	4.759,50
	LK B (27 suất)	2.498,68
	LK C (23 suất)	3.193,91
	3 KHU (LKA+LKB+LKC)	**10.452,09**

4. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, nghĩa vụ của người tham gia đấu giá.

4.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Là cá nhân tham gia đấu giá thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và bảo đảm các quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024. Có đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho Tổ chức đấu giá tài sản theo quy định.

4.2. Điều kiện được tham gia đấu giá: Những người thuộc đối tượng quy định tại mục 4.1 thực hiện đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

4.3. Đối tượng không được tham gia đấu giá

- Các trường hợp không đủ điều kiện theo qui định tại mục 4.1 nêu trên.

- Các trường hợp theo qui định tại khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; các qui định của pháp luật có liên quan.

4.4. Nghĩa vụ của người tham gia đấu giá.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung được quy định Quy chế đấu giá và tại Phương án đấu giá đã được phê duyệt.

- Tự tìm hiểu vị trí mặt bằng các suất đất đã quy hoạch để đấu giá qua bản vẽ quy hoạch chi tiết (*Có trong bộ hồ sơ đấu giá)* và tại thực địa nơi có các vị trí suất đất đấu giá.

- Thực hiện đúng các cam kết đã ký trong hồ sơ tham gia đấu giá.

4.5. Nghĩa vụ của người trúng đấu giá.

- Ký Biên bản đấu giá.

- Nộp tiền trúng đấu giá đầy đủ, đúng hạn theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế và nộp lệ phí trước bạ đất theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự quản lý của Nhà nước về đất đai, môi trường, quản lý quy hoạch, đầu tư kiến trúc, xây dựng và chịu sự kiểm tra giám sát của Nhà nước trong quá trình đầu tư, xây dựng.

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng qui hoạch. Người sử dụng đất khi xây dựng nhà ở trên thửa đất đó phải tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước.

5. Chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá.

- Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

- Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

- Thù lao dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

6. Dự kiến giá khởi điểm, bước giá, giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá và người trúng đấu giá, khoản tiền đặt trước phải nộp và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

6.1. Dự kiến giá khởi điểm

- Giá khởi điểm đấu giá là mức giá đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền, được thông báo công khai trước cuộc đấu giá.

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Dự kiến giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)	Gía trị suất đất theo giá khởi điểm (đồng/m^2)
I	**LKA (52 suất)**	**4.759,50**		
1	LKA - 01	97,82	17.250.000	1.687.395.000
2	LKA - 02	87,07	15.000.000	1.306.050.000
3	LKA - 03	90,62	15.000.000	1.359.300.000
4	LKA - 04	94,17	15.000.000	1.412.550.000
5	LKA - 05	97,72	15.000.000	1.465.800.000
6	LKA - 06	101,27	15.000.000	1.519.050.000
7	LKA - 07	100,36	17.250.000	1.731.210.000
8	LKA - 08	90,00	15.000.000	1.350.000.000
9	LKA - 09	90,00	15.000.000	1.350.000.000
10	LKA - 10	90,00	15.000.000	1.350.000.000
11	LKA - 11	90,00	15.000.000	1.350.000.000
12	LKA - 12	90,00	15.000.000	1.350.000.000
13	LKA - 13	90,00	15.000.000	1.350.000.000
14	LKA - 14	90,00	15.000.000	1.350.000.000
15	LKA - 15	90,00	15.000.000	1.350.000.000
16	LKA - 16	90,00	15.000.000	1.350.000.000
17	LKA - 17	90,00	15.000.000	1.350.000.000

18	LKA - 18	90,00	15.000.000	1.350.000.000
19	LKA - 19	90,00	15.000.000	1.350.000.000
20	LKA - 20	90,00	15.000.000	1.350.000.000
21	LKA - 21	90,00	15.000.000	1.350.000.000
22	LKA - 22	90,00	15.000.000	1.350.000.000
23	LKA - 23	90,00	15.000.000	1.350.000.000
24	LKA - 24	90,00	15.000.000	1.350.000.000
25	LKA - 25	90,00	15.000.000	1.350.000.000
26	LKA - 26	90,00	15.000.000	1.350.000.000
27	LKA - 27	110,88	17.250.000	1.912.680.000
28	LKA - 28	108,37	12.000.000	1.300.440.000
29	LKA - 29	101,52	12.000.000	1.218.240.000
30	LKA - 30	94,68	12.000.000	1.136.160.000
31	LKA - 31	87,83	12.000.000	1.053.960.000
32	LKA - 32	80,98	12.000.000	971.760.000
33	LKA - 33	86,21	17.250.000	1.487.122.500
34	LKA - 34	90,00	15.000.000	1.350.000.000
35	LKA - 35	90,00	15.000.000	1.350.000.000
36	LKA - 36	90,00	15.000.000	1.350.000.000
37	LKA - 37	90,00	15.000.000	1.350.000.000
38	LKA - 38	90,00	15.000.000	1.350.000.000
39	LKA - 39	90,00	15.000.000	1.350.000.000

40	LKA - 40	90,00	15.000.000	1.350.000.000
41	LKA - 41	90,00	15.000.000	1.350.000.000
42	LKA - 42	90,00	15.000.000	1.350.000.000
43	LKA - 43	90,00	15.000.000	1.350.000.000
44	LKA - 44	90,00	15.000.000	1.350.000.000
45	LKA - 45	90,00	15.000.000	1.350.000.000
46	LKA - 46	90,00	15.000.000	1.350.000.000
47	LKA - 47	90,00	15.000.000	1.350.000.000
48	LKA - 48	90,00	15.000.000	1.350.000.000
49	LKA - 49	90,00	15.000.000	1.350.000.000
50	LKA - 50	90,00	15.000.000	1.350.000.000
51	LKA - 51	90,00	15.000.000	1.350.000.000
52	LKA - 52	90,00	15.000.000	1.350.000.000
II	**LKB (27 suất)**	**2.498,68**		
53	LKB -01	91,58	17.250.000	1.579.755.000
54	LKB -02	85,46	12.000.000	1.025.520.000
55	LKB -03	92,30	12.000.000	1.107.600.000
56	LKB -04	99,15	12.000.000	1.189.800.000
57	LKB -05	106,00	12.000.000	1.272.000.000
58	LKB -06	112,84	12.000.000	1.354.080.000
59	LKB -07	115,35	17.250.000	1.989.787.500
60	LKB -08	90,00	15.000.000	1.350.000.000

61	LKB -09	90,00	15.000.000	1.350.000.000
62	LKB -10	90,00	15.000.000	1.350.000.000
63	LKB -11	90,00	15.000.000	1.350.000.000
64	LKB -12	90,00	15.000.000	1.350.000.000
65	LKB -13	90,00	15.000.000	1.350.000.000
66	LKB -14	90,00	15.000.000	1.350.000.000
67	LKB -15	90,00	15.000.000	1.350.000.000
68	LKB -16	90,00	15.000.000	1.350.000.000
69	LKB -17	88,00	17.250.000	1.518.000.000
70	LKB -18	88,00	17.250.000	1.518.000.000
71	LKB -19	90,00	15.000.000	1.350.000.000
72	LKB -20	90,00	15.000.000	1.350.000.000
73	LKB -21	90,00	15.000.000	1.350.000.000
74	LKB -22	90,00	15.000.000	1.350.000.000
75	LKB -23	90,00	15.000.000	1.350.000.000
76	LKB -24	90,00	15.000.000	1.350.000.000
77	LKB -25	90,00	15.000.000	1.350.000.000
78	LKB -26	90,00	15.000.000	1.350.000.000
79	LKB -27	90,00	15.000.000	1.350.000.000
III	**LKC (23 suất)**	**3.193,91**		
80	LKC -01	89,67	16.500.000	1.479.555.000
81	LKC -02	86,28	12.000.000	1.035.360.000

82	LKC -03	93,13	12.000.000	1.117.560.000
83	LKC -04	99,97	12.000.000	1.199.640.000
84	LKC -05	106,82	12.000.000	1.281.840.000
85	LKC -06	109,33	17.250.000	1.885.942.500
86	LKC -07	153,03	15.000.000	2.295.450.000
87	LKC -08	152,85	15.000.000	2.292.750.000
88	LKC -09	152,67	15.000.000	2.290.050.000
89	LKC -10	152,49	15.000.000	2.287.350.000
90	LKC -11	152,31	15.000.000	2.284.650.000
91	LKC -12	152,13	15.000.000	2.281.950.000
92	LKC -13	151,96	15.000.000	2.279.400.000
93	LKC -14	151,78	15.000.000	2.276.700.000
94	LKC -15	151,60	15.000.000	2.274.000.000
95	LKC -16	151,42	15.000.000	2.271.300.000
96	LKC -17	151,24	15.000.000	2.268.600.000
97	LKC -18	151,06	15.000.000	2.265.900.000
98	LKC -19	150,88	15.000.000	2.263.200.000
99	LKC -20	150,70	15.000.000	2.260.500.000
100	LKC -21	150,52	15.000.000	2.257.800.000
101	LKC -22	150,34	15.000.000	2.255.100.000
102	LKC -23	181,73	15.000.000	2.725.950.000
TỔNG CỘNG		**10.452,09**		**154.846.807.500**

6.2. Bước giá đấu giá:

Bước giá là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- Nguyên tắc trả giá: Người tham gia đấu giá tiến hành trả giá thông qua phiếu trả giá, trả ít nhất giá khởi điểm cộng 01 bước giá.

- Việc đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện đối với từng thửa đất hoặc nhóm các thửa đất. Thửa đất đưa ra đấu giá chỉ được bán khi thửa đất đảm bảo phải có từ 02 (hai) người đăng ký tham gia đấu giá, 02 (hai) người tham gia đấu giá và 02 (hai) người trả giá hợp lệ trở lên.

- Bước giá: 200.000 đồng/1m^2.

6.3. Giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá và người trúng đấu giá

- Giá trả hợp lệ: Là giá trả từ giá khởi điểm trở lên.

- Giá xét trúng đấu giá: Là giá trả hợp lệ tính trên 1m^2 đất, trả bằng giá khởi điểm cộng ít nhất một bước giá trở lên.

- Người trúng đấu giá: Là người có mức giá trả hợp lệ cao nhất cho từng thửa đất.

6.4. Tiền đặt trước đấu giá

- Người tham gia đấu giá phải nộp khoản tiền đặt trước theo quy định tại Điều 39 Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản và được quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá và Thông báo mời tham gia đấu giá do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phát hành.

- Trường hợp người tham gia đấu giá có nhu cầu tham gia đấu giá nhiều thửa đất thì phải mua hồ sơ và nộp số tiền đặt trước tương ứng với số lượng thửa đất đăng ký tham gia đấu giá.

- Dự kiến tiền đặt trước là: 20% giá trị suất đất theo giá khởi điểm để đấu giá đối với từng suất đất.

6.5. Tiền phí hồ sơ tham gia đấu giá

- Mức tiền cụ thể được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì cá nhân đăng ký tham gia đấu giá được hoàn lại tiền hồ sơ đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc đấu giá. Không hoàn lại tiền hồ sơ đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật đấu giá trong thời gian tổ chức đấu giá.

7. Phương thức, hình thức đấu giá

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

- Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện đối với từng thửa đất, mở kết quả công khai tại phiên đấu giá.

8. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá

Theo quy định tại khoản 7 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Khoản 9, Điều 4, Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Khoản 9, Điều 4, Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

9. Nộp tiền sử dụng đất

Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của UBND xã Hoàng Hoa Thám và theo Thông báo của Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên. Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá một lần, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời gian quy định, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình UBND xã Hoàng Hoa Thám hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

10. Về xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP:

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất ***không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá***, dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm ***thì bị cấm tham gia đấu giá đối với quyền sử dụng đất*** trong trường hợp giao đất ở như sau:

+ Từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

+ Từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

11. Dự kiến kinh phí thu được từ đấu giá:

- Dự kiến số tiền trúng đấu giá thu được (tăng 50% so với giá khởi điểm) khoảng **232.270.213.000 đồng.** *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm bẩy mươi triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng)./.*